

BÀI 2: BẠN CÓ BIẾT? (tiết 5 – 10, SHS, tr.117 – 121)

I. MỤC TIÊU

1. Chia sẻ được với bạn một điều thú vị về một loài vật mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Thế giới thiên nhiên vô cùng diệu kì. Từ đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và kích thích sự ham hiểu biết, tìm hiểu về thiên nhiên*; biết liên hệ bản thân: *Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp.*

3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt được *eo/oe; ch/tr; an/ang*.
4. Mở rộng được vốn từ về Trái Đất (từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm của sự vật); sắp xếp từ ngữ thành câu.
5. Biết nói và đáp lời không đồng ý, lời đề nghị với đối tượng bằng vai.
6. Nhận diện được kiểu bài nói, viết về tình cảm với một sự việc.
7. Chia sẻ được một truyện đã đọc về thiên nhiên.
8. Thực hiện được trò chơi *Đố vui về các loài chim*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động của một số loài vật trong tự nhiên (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Con vật nào chạy* đến hết.
- HS mang tới lớp một truyện đã tìm đọc về thiên nhiên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một điều thú vị trong thế giới loài vật mà em biết, VD: *loài động vật cao nhất; loài chim có bộ lông nhiều màu sắc; loài vật trung thành; loài vật biết nhại tiếng người; ...*
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: nói về cây/ con vật gì, ...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bạn có biết?*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thong thả, chậm rãi, nhấn mạnh những điểm thú vị, đọc đảo của từng loài vật được giới thiệu).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ki-lô-mét, buồm, cao nhông, ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu có).
- HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Thế giới thiên nhiên vô cùng diệu kì. Từ đó thể hiện tình yêu thiên nhiên và kích thích sự ham hiểu biết, tìm hiểu về thiên nhiên.*
- HS liên hệ bản thân: *Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp.*

1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Con vật nào chạy* đến hết.
- HS luyện đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp đoạn từ *Con vật nào chạy* đến hết.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *xuyt xoa, trầm trở, huyền diệu, ...*; hoặc do ngữ nghĩa.
- GV nhắc HS cách trình bày bài viết.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt eo/oe; ch/tr, an/ang

2.2.1. Phân biệt eo/oe

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm trong các thẻ màu các từ ngữ viết đúng (Đáp án: từ ngữ viết đúng chính tả: *khoé mắt, khéo tay, vàng choé*; từ ngữ viết sai chính tả: *vàng heo*; chữa lại: *vàng hoe*).
- HS sửa lại từ ngữ viết sai, giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2.2. Phân biệt ch/tr, an/ang

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c) và chọn BT phân biệt *ch/tr* hoặc *an/ang*.
- HS đọc đoạn thơ và thực hiện BT vào VBT (Đáp án: chữ *ch/tr*: *trưa, Trâu, Chợt, chim*; vần *an/ang*: *ran, nan, làng*).
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm 3, mỗi HS tìm các từ ngữ thuộc từng nhóm (Đáp án: từ chỉ sự vật: *hải âu, thuyền buồm, ngọn núi*; từ chỉ hoạt động: *boi lội, đưa đẩy, chao liệng*; từ chỉ đặc điểm: *nhỏ nhỏ, to lớn, trắng nõn, xanh biếc*).

- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa một số từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS đọc các thẻ từ, thảo luận để lựa chọn các cách sắp xếp từ ngữ cho sẵn thành câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi (*Lưu ý*: HS có thể không sử dụng hết các từ ngữ để xếp thành câu vẫn được chấp nhận).
- HS nói trước lớp câu vừa sắp xếp được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS viết vào VBT câu vừa sắp xếp được.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Nói và nghe

5.1. Nói và đáp lời không đồng ý

- HS xác định yêu cầu của BT 5a, đọc lời đề nghị trong đoạn hội thoại.
- HS xác định nội dung của lời đề nghị trong đoạn hội thoại: vai giao tiếp (*vai bằng nhau*), mục đích giao tiếp (*rủ bạn cùng làm chung một việc*); nội dung giao tiếp (*thả bóng bay trong ngày Trái Đất*).
- HS thực hiện nói và đáp lời không đồng ý trong nhóm đôi và trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Theo em, chúng ta có nên thả bóng bay lên trời không? Vì sao?* (Gợi ý: bóng bay làm từ nhựa sẽ gây ô nhiễm không khí, đất; khi thả lên trời có thể gây tai nạn đến máy bay, các loài chim trong quá trình di chuyển,...)
 - + *Khi nào em cần nói lời không đồng ý?*
 - + *Khi nói lời không đồng ý với bạn, cần chú ý điều gì?* (*giọng điệu, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...*).
 - + *Khi nghe bạn không đồng ý với ý kiến của mình, em sẽ nói gì?*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

5.2. Nói và đáp lời đề nghị

- HS xác định yêu cầu của BT 5b, quan sát tranh và xác định tình huống.

- HS đóng vai, nói và đáp lời đề nghị phù hợp với tình huống trong tranh.
- Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi:
 - + *Theo em, khi bạn vứt rác không đúng nơi quy định, em sẽ nói gì? Vì sao?*
 - + *Ta thường nói lời đề nghị khi nào?*
 - + *Khi nhận được lời đề nghị, em cần đáp với thái độ thế nào? Vì sao?*
 - + *Khi nói và đáp lời đề nghị, cần chú ý điều gì? (giọng điệu, nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...)*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5, 6

6. Nói, viết về tình cảm với một sự việc

6.1. Phân tích mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 6a, đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.
- HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

6.2. Viết về tình cảm với một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS nói trong nhóm đôi về một giờ học mà em thích dựa trên các câu hỏi gợi ý.
- HS viết 4 – 5 câu về nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một truyện đã đọc về thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên truyện (tập truyện, tác giả), nhân vật (suy nghĩ, việc làm), điều em học được,...
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết vào Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên truyện (tập truyện, tác giả), nhân vật (suy nghĩ, việc làm), điều em học được.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Chơi trò chơi *Đố vui về các loài chim*

- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS đọc câu đố và dựa trên một số từ ngữ chỉ đặc điểm của loài chim để đoán tên con vật (Đáp án: *chim én, chim cánh cụt*).
- HS tìm thêm một số câu đố, gợi ý:

Chim gì lượn báo mùa xuân?

Chim gì nhảy nhót chuyên cần bắt sâu?

(Đáp án: *chim én, chim sâu*)

Mô dài lông biếc,

Trên cành lặng yên,

Bỗng vút như tên,

Lao mình bắt cá.

(Đáp án: *chim bói cá*)

Chim gì xuất hiện trong truyện cổ tích Thạch Sanh?

(Đáp án: *đại bàng*)